TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 3705/2023/DSST
Ngày: 15/9/2023
V/v:"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Vương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đăng Vạn

2. Bà Huỳnh Thị Thanh Thảo

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Bùi Thị Xuân Thu – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Ông Hoàng Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 460/2023/TLST-DS ngày 23 tháng 3 năm 2023 về việc: "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4906/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 5613/2023/QĐST-DS ngày 25/8/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP SGTT

Địa chỉ: 266-268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Minh Thắng, sinh năm: 1973 (Giấy ủy quyền số 850/2023/UQ-TGĐ ngày 12/4/2023)

(có yêu cầu giải quyết vắng mặt)

Bị đơn: Ông Huỳnh Anh N, sinh năm: 1995.

Hộ khẩu thường trú: KV2, phường Đống Đa, thành phố Quy Nhơn, Bình Định.

Địa chỉ liên lạc: B12.03 Chung cư Gateway, phường Thảo Điền, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong Đơn khởi kiện, các bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và biên bản không tiến hành hòa giải được, nguyên đơn là Ngân hàng TMCP SGTT (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) trình bày:

Ngày 25/02/2020, giữa ông Huỳnh Anh N và Ngân hàng TMCP SGTT (gọi tắt là Ngân hàng) có ký Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của Ông N, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 30.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Số thẻ 472074-9349; Hạn mức 30.000.000 đồng; Loại thẻ: Visa Pay Wave cre Classic; Ngày cấp thẻ: 25/02/2020; Lãi suất áp dụng: 2.15%

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông N đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 99.310.379 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông N đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 71,847,655 đồng. (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 21 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông N vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông N vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 18 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 23/06/2021 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông N và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu (Dư nợ gốc) sang nợ quá hạn (Điều 24 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Ngân hàng TMCP SGTT yêu cầu Tòa giải quyết:

- Buộc ông Huỳnh Anh N phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 11/07/2023 là 69,615,137 đồng (Bằng chữ: Sáu mươi chín triệu, sáu trăm mười lăm ngàn, một trăm ba mươi bảy đồng), trong đó: Dư nợ gốc là 35.136.421 đồng; Lãi quá hạn: 34,478,716 đồng.

Số tiền lãi quá hạn được tính trên số tiền nợ gốc 35.136.421 đồng với lãi suất quá hạn là 3.225%/ tháng (2.15%*150%) từ ngày ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn cho đến hiện tại.

- Đồng thời, ông Huỳnh Anh N còn có trách nhiệm tiếp tục thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 12/07/2023 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

2. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh nơi cư trú, thực hiện niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng đối với ông Huỳnh Anh N để tham gia tố tụng trong vụ án nhưng ông N không có mặt tại Tòa án nên không có ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa sơ thẩm,

Nguyên đơn có người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Minh Thắng đã nộp đơn xin xét xử vắng mặt và có bản tự khai nội dung yêu cầu ông N có

trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 72.629.819 đồng; trong đó: dư nợ gốc là 35.136.421 đồng; Lãi quá hạn: 37.493.398 đồng. Ông N có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 16/9/2023 cho đến khi dứt nợ theo lãi suất quy định của Hợp đồng.

Bị đơn vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến gửi đến Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử tại phiên tòa cũng như việc chấp hành pháp luật của các bên đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn là ông Huỳnh Anh N có trách nhiệm thanh toán tiền nợ gốc, lãi cho nguyên đơn theo quy định pháp luật. Về án phí xem xét theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như phiên tòa sơ thẩm, Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng để triệu tập hợp lệ đối với bị đơn là ông Huỳnh Anh N đến Tòa án những ông N không có mặt tại Tòa để tham gia tố tụng trong vụ án, không có văn bản trình bày ý kiến và vắng mặt không lý do lần thứ hai tại phiên tòa xét xử sơ thẩm. Nguyên đơn có người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Minh Thắng có đơn xin yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự trong vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 237, khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

2. Về nội dung vụ án:

2.1 Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ngày 02/3/2023, Ngân hàng TMCP SGTT khởi kiện đối với ông Huỳnh Anh N về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" tại Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình giải quyết vụ án, theo kết quả xác minh nơi cư trú của Công an phường Thảo Điền, Thành phố Thủ Đức thể hiện ông N không có đăng ký thường trú, tạm trú và cư trú thực tế tại địa phương; theo kết quả xác minh của Công an phường Đống Đa, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định thể hiện ông N có hộ khẩu thường trú tại địa phương nhưng đã bán nhà đi khỏi địa phương từ tháng 3/2021, không khai báo với công an phường, không xác định được nơi ở hiện tại. Vì vậy, nguyên đơn căn cứ theo địa chỉ của ông N cung cấp tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng là có căn cứ xác định nguyên đơn đã cung

cấp đúng địa chỉ của bị đơn. Ông N thay đổi địa chỉ chỗ ở nhưng không thông báo với chính quyền địa phương và Ngân hàng (người mình có nghĩa vụ) thì được coi là cố tình giấu địa chỉ theo điểm b khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao. Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.2 Xét yêu cầu của đương sự:

Xét yêu cầu của Ngân hàng TMCP SGTT về việc buộc ông Huỳnh Anh N phải trả số tiền tạm tính đến thời điểm xét xử ngày 15/9/2023 là 72.629.819 đồng; trong đó: dư nợ gốc là 35.136.421 đồng; Lãi quá hạn: 37.493.398 đồng ngay sau khi có bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, số tiền lãi sẽ được tiếp tục tính với lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng đến khi thi hành án xong. Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng cung cấp gồm: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 25/02/2020 và văn bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng có hiệu lực từ ngày 29/11/2019, bảng sao kê tín dụng, có căn cứ xác định ông Huỳnh Anh N được Ngân hàng TMCP SGTT cấp thẻ tín dụng với số thẻ 472074-9349. Do quá trình sử dụng thẻ, ông N vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 23/6/2021, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ tín dụng của ông N, chốt số nợ gốc là 35.136.421 đồng và chuyển toàn bộ số dư nợ sang nợ quá hạn.

Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, điểm a khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao và các mục 18, 19, 20, 21, 22, 23 và 24 bản Điều kiện và điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP SGTT thì ông Huỳnh Anh N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận, nên yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng buộc ông N phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến thời điểm xét xử là 72.629.819 đồng; trong đó: dư nợ gốc là 35.136.421 đồng; Lãi quá hạn: 37.493.398 đồng, trả một lần ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, số tiền lãi sẽ được tiếp tục tính với lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng đến khi thi hành án xong là có cơ sở chấp nhận.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, tiền lãi nợ quá hạn được tiếp tục phát sinh theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 28/8/2017 và văn bản Điều kiện và điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng được ký kết giữa Ngân hàng và ông N.

2.3 Xét ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với nhận định của Tòa án nên được chấp nhận toàn bộ.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UB-TVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên nguyên đơn là Ngân hàng TMCP SGTT không phải chịu án phí, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã đóng là 878.352 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008434 ngày 07/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh. Bị đơn là ông Huỳnh Anh N phải chịu án phí theo quy định pháp luật trên số tiền của nguyên đơn khởi kiện được Tòa án chấp nhận, cụ thể là 3.631.491 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 153, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91 và Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Tuyên xử :

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng TMCP SGTT.

Buộc ông Huỳnh Anh N phải trả cho Ngân hàng TMCP SGTT tổng số tiền tạm tính đến ngày 15/9/2023 là 72.629.819 (bảy mươi hai triệu sáu trăm hai mươi chín ngàn tám trăm mười chín) đồng; trong đó: dư nợ gốc là 35.136.421 đồng; Lãi quá hạn: 37.493.398 đồng, trả một lần ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, tiền lãi nợ quá hạn được tiếp tục phát sinh theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 28/8/2017 và văn bản Điều kiện và điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng được ký kết giữa Ngân hàng và ông N.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn là Ngân hàng TMCP SGTT không phải chịu án phí, được hoàn lại số tiền 1.567.948 (một triệu năm trăm sáu mươi bảy ngàn chín trăm bốn mươi tám) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003369 ngày 17/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn là ông Huỳnh Anh N phải chịu án phí là 3.631.491 (ba triệu sáu trăm ba mươi mốt ngàn bốn trăm chín mươi mốt) đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Thi hành án tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7, 7a Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND TP.Thủ Đức;
- Chi cục THADS TP.Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu VP và hồ sơ vụ án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Minh Vương